

ỦY BAN NHÂN QUÂN NAM TỪ LIÊM  
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 29/BC-THTV

Trung Văn, ngày 20 tháng 6 năm 2025

## BÁO CÁO

### CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024-2025

#### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Trường Tiểu học Trung Văn

2. Địa chỉ: Số 1 ngõ 76 đường Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Trang web: <https://thtrungvan.tl.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

##### 4.1. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập nền nếp, kỉ cương, an toàn, thân thiện. Giáo dục toàn diện đạt chất lượng cao, mọi hoạt động đều hướng tới học sinh, tạo cơ hội cho giáo viên – học sinh chủ động phát triển năng lực, kĩ năng và tư duy sáng tạo của bản thân.

##### 4.2. Tầm nhìn

Trường Tiểu học Trung Văn là một trường tiểu học theo đúng mục tiêu chiến lược về giáo dục con người mới XHCN Việt Nam: tự tin, có hiểu biết cơ bản tốt, có lòng yêu nước, có kỹ năng sống hợp tác và thích ứng với môi trường.

Năm học 2024-2025, trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc cấp Thành phố, Cờ thi đua xuất sắc cấp thành phố, Bằng khen đơn vị xuất sắc cấp thành. Là địa chỉ uy tín, được chính quyền và nhân dân đánh giá cao, thu hút học sinh con em đối tượng dân trí cao tại các khu đô thị.

##### 4.3. Giá trị cơ bản của nhà trường:

- Trách nhiệm
- Khát vọng vươn lên
- Tính sáng tạo
- Tính đoàn kết
- Tính kỷ luật
- Nhân ái, sẵn sàng chia sẻ

##### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường có diện tích 7872,5m<sup>2</sup> được xây dựng trên khuôn viên rộng rãi, khang trang, sạch đẹp và thuận lợi giao thông. Trường có đầy đủ các phòng học và phòng chức năng. Cụ thể:

- Trường có 38 phòng học văn hóa là lớp học 2 buổi/ ngày; 7 phòng bộ môn (02 phòng tin học, 03 phòng tiếng Anh, 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng mỹ thuật); 06 phòng phục vụ học tập, trong đó: 01 phòng truyền thống, 01 phò

ng Đoàn Đội, 01 phòng y tế, 01 phòng thể chất, 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị đồ dùng; 08 phòng hành chính quản trị, trong đó: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Hiệu phó, 01 phòng họp, 01 phòng tài vụ, 01 văn phòng; 01 phòng thường trực – bảo vệ, 01 bếp ăn bán trú 1 chiều. Các phòng học đã có đủ bàn ghế 2 chỗ ngồi, bảng chống lóa, đèn chống cận đủ ánh sáng chuẩn, điều hòa hai chiều, tủ đồ dùng, máy tính, máy chiếu, camera giúp giáo viên ứng dụng hiệu quả CNTT trong dạy và học.

- Nhà trường có bếp một chiều đảm bảo sạch sẽ, đúng quy chuẩn. Nhà bếp sử dụng 100% dụng cụ, khay ăn bằng i-nox, tủ cơm công nghiệp, tủ hấp sấy lớn, máy xay thịt làm chả, máy cắt rau.... Tất cả đều được sắp xếp gọn gàng, khoa học, hợp vệ sinh.

- Thư viện dành cho học sinh có diện tích 125m<sup>2</sup> thiết kế hiện đại, đủ công năng, đẹp mắt với hệ thống sách phong phú, hoạt động hiệu quả.

- Nhà thể chất rộng tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và rèn luyện.

- Sân chơi rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, an toàn và nhiều cây xanh.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Nam Từ Liêm, Đảng ủy, chính quyền và nhân dân địa phương. Chi bộ Đảng Trường Tiểu học Trung Văn hoạt động dưới sự quản lý của Đảng ủy Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, nhiều năm liền đạt Chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ đảng với 29 đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Công đoàn cơ sở trường Tiểu học Trung Văn có 61 công đoàn viên, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hà Nội có 30 đoàn viên. Đội Thiếu niên Tiền phong Hà Nội và Sao Nhi đồng hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình. Các đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ, hỗ trợ tích cực cho mọi hoạt động của nhà trường. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên vững chuyên môn nghiệp vụ, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, mỗi thành viên có ý thức trách nhiệm cao, luôn cố gắng khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

Tập thể sư phạm luôn đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Học sinh năng động, có ý thức phấn đấu trong học tập và tham gia tích cực các phong trào. Nhà trường luôn phát huy vai trò tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục tại đơn vị. Các ban ngành, đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi

mặt, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, đồng thuận trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục học sinh.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.**

Họ và tên: Giang Thanh Thủy

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 1 ngõ 76, phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 0243.5544699

**7. Tổ chức bộ máy:**

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục.

Trường Tiểu học Trung Văn tiền thân là trường cấp 1 Trung Văn được thành lập theo quyết định số 7/QĐ-UB ngày 13/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm (sau khi tách ra từ trường Phổ thông cơ sở cấp 1, 2 Trung Văn). Đến ngày 15/08/1996 trường đổi tên thành trường Tiểu học Trung Văn theo quyết định số 310/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Trường Tiểu học Trung Văn được UBND Quận Nam Từ Liêm ban hành Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc thành lập Hội đồng trường Trường Tiểu học Trung Văn nhiệm kỳ 2024-2029.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

\* Hiệu trưởng được điều động và bổ nhiệm chức vụ theo quyết định:

- Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trung Văn;

\* Phó Hiệu trưởng được điều động và bổ nhiệm chức vụ theo quyết định:

- Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trung Văn;

- Quyết định Số 2670/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trung Văn.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 246/QĐ-ĐTT ngày 5/9/2024 về việc kế hoạch triển khai thực hiện Luật dân chủ cơ sở trường Tiểu học Trung Văn.

**8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:** Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Quyết định số 265/QĐ-THTV ngày 5/9/2024 của Trường Tiểu học Trung Văn Quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2024-2025.

- Quyết định số 267/QĐ-THTV ngày 01/10/2024 của Trường Tiểu học Trung Văn Quyết định bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn năm học 2024-2025.

- Quyết định số 266/QĐ-THTV ngày 5/9/2024 của Trường Tiểu học Trung Văn Quyết định phân công của BGH và giáo viên năm học 2024-2025.

- Quyết định số 320/QĐ-THTV ngày 16/9/2024 của Trường Tiểu học Trung Văn về việc ban hành Quy chế chuyên môn năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 350/KH-THTV ngày 27/9/2024 của Trường Tiểu học Trung Văn về tổ chức Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường năm học 2024-2025

- Kế hoạch số 337/KH-THTV ngày 20/9/2024 của Trường Tiểu học Trung Văn về kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025.

- Quyết định số 112/QĐ-THTV ngày 01/4/2025 về thành lập hội đồng xét công nhận sáng kiến Trường Tiểu học Trung Văn năm học 2024-2025.

- Quyết định số 352/QĐ-THTV ngày 01/10/2024 về việc Quy chế thi đua khen thưởng của nhà trường năm học 2024 -2025.

- Quy chế số 430/QC-THTV ngày 30/12/2024 về việc Quy chế thực hiện quy chế tiền thưởng.

- Kế hoạch số 310/KH-THTV ngày 5/9/2024 của Trường Tiểu học Trung Văn về bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2024-2025.

- Quyết định số 187/QĐ-THTV ngày 01/8/2024 về việc ban hành Quy tắc ứng xử trong cơ quan năm học 2024-2025.

- Quyết định số 250/QĐ-THTV ngày 5/9/2024 về việc ban hành quy chế việc làm năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 276/QĐ-THTV ngày 5/9/2024 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2024-2025.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo, chuẩn nghề nghiệp: 68 người (bao gồm 51 biên chế và 17 hợp đồng).

| STT      | Nội dung                                              | Tổng số   | Trình độ đào tạo |     |           |    |    |         | Chức danh nghề nghiệp |           |          | Chuẩn nghề nghiệp |           |            |     |
|----------|-------------------------------------------------------|-----------|------------------|-----|-----------|----|----|---------|-----------------------|-----------|----------|-------------------|-----------|------------|-----|
|          |                                                       |           | TS               | ThS | ĐH        | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV               | Hạng III  | Hạng II  | Tốt               | Khá       | Trung bình | Kém |
|          | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | 68        |                  | 3   | 46        |    | 1  | 8       | 3                     | 38        | 7        | 30                | 18        |            |     |
| <b>I</b> | <b>Giáo viên</b>                                      | <b>52</b> |                  |     | <b>52</b> |    |    |         | <b>3</b>              | <b>38</b> | <b>4</b> | <b>27</b>         | <b>18</b> |            |     |
| 2        | Trong đó số giáo viên cơ bản (GVCB)                   | 38        |                  |     | 38        |    |    |         |                       | 27        | 7        | 20                | 14        |            |     |
| 3.1      | Biên chế                                              | 35        |                  |     | 35        |    |    |         |                       | 27        | 7        | 20                | 14        |            |     |
| 2.2      | Hợp đồng                                              | 3         |                  |     | 3         |    |    |         |                       |           |          |                   |           |            |     |
| 4        | Ngoại Ngữ                                             | 4         |                  |     | 4         |    |    |         |                       | 2         |          | 2                 |           |            |     |
| 2.1      | Biên chế                                              | 2         |                  |     | 2         |    |    |         |                       | 2         |          | 2                 |           |            |     |
| 2.2      | Hợp đồng                                              | 2         |                  |     | 2         |    |    |         |                       |           |          |                   |           |            |     |
| 5        | Tin học                                               | 1         |                  |     | 2         |    |    |         |                       | 1         |          | 1                 |           |            |     |
| 6        | Âm nhạc                                               | 2         |                  |     | 2         |    |    |         |                       |           |          | 2                 |           |            |     |
| 7        | Mỹ Thuật                                              | 2         |                  |     | 2         |    |    |         |                       |           |          | 1                 | 1         |            |     |
| 8        | Thể dục                                               | 4         |                  |     | 4         |    |    |         |                       |           |          | 1                 | 2         |            |     |
| 8.1      | Biên chế                                              | 3         |                  |     | 3         |    |    |         |                       |           |          | 1                 | 2         |            |     |

| STT        | Nội dung               | Tổng số   | Trình độ đào tạo |          |          |          |          |          | Chức danh nghề nghiệp |          |          | Chuẩn nghề nghiệp |     |            |     |
|------------|------------------------|-----------|------------------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------------------|----------|----------|-------------------|-----|------------|-----|
|            |                        |           | TS               | ThS      | ĐH       | CĐ       | TC       | Dưới TC  | Hạng IV               | Hạng III | Hạng II  | Tốt               | Khá | Trung bình | Kém |
| 8.2        | Hợp đồng               | 1         |                  |          | 1        |          |          |          |                       |          |          |                   |     |            |     |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>  | <b>3</b>  |                  | <b>2</b> | <b>1</b> |          |          |          |                       |          | <b>3</b> | <b>3</b>          |     |            |     |
| 1          | Hiệu trưởng            | 1         |                  | 1        |          |          |          |          |                       |          | 1        | 1                 |     |            |     |
| 2          | Phó hiệu trưởng        | 2         |                  | 1        | 1        |          |          |          |                       |          | 2        | 2                 |     |            |     |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>       | <b>14</b> |                  |          | <b>2</b> | <b>3</b> | <b>1</b> | <b>8</b> |                       |          |          |                   |     |            |     |
| 1          | Văn thư (kiêm thủ quỹ) | 1         |                  |          |          |          | 1        |          |                       |          |          |                   |     |            |     |
| 2          | Kế toán                | 1         |                  |          | 1        |          |          |          |                       |          |          |                   |     |            |     |
| 3          | Y tế                   | 1         |                  |          |          | 1        |          |          |                       |          |          |                   |     |            |     |
| 4          | Thư viện+CNTT          | 1         |                  |          |          | 1        |          |          |                       |          |          |                   |     |            |     |
| 5          | Thiết bị               | 1         |                  |          |          | 1        |          |          |                       |          |          |                   |     |            |     |
| 6          | TPT đội                | 1         |                  |          | 1        |          |          |          |                       |          |          |                   |     |            |     |
| 7          | Bảo vệ                 | 4         |                  |          |          |          |          | 4        |                       |          |          |                   |     |            |     |
| 8          | Phục vụ                | 4         |                  |          |          |          |          | 4        |                       |          |          |                   |     |            |     |

**2) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.**

-100% CBQL, GV hoàn thành BDTX trực tuyến trên hệ thống quản lý học tập <https://taphuan.csdl.edu.vn/> các mô đun.

- 100% CBQL, GV hoàn thành Bồi dưỡng về Giáo dục giới tính, Bình đẳng giới

- 68 cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia học bồi dưỡng chuyển đổi số nâng cao.

### **III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG**

1) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

DT đất: 7872,5 m<sup>2</sup>; diện tích sàn xây dựng và cây xanh, đường đi, khu tập trung là 11.708m<sup>2</sup>, bình quân 6,7 m<sup>2</sup>/HS. Mỗi phòng học có diện tích 50-53 m<sup>2</sup>, thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo ánh sáng, trang thiết bị dạy học hiện đại và điều hòa hai chiều đúng, có đầy đủ bàn ghế kích thước phù hợp với tầm vóc học sinh tiểu học.

2) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

| STT | Nội dung                                                            | Số lượng              | Bình quân           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|
| 1   | Số phòng học/số lớp                                                 | 37/37                 | 47/học sinh         |
| 2   | Tổng diện tích đất và sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )                | 11.708 m <sup>2</sup> | 6,7 m <sup>2</sup>  |
| 3   | Diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )                       | 3500 m <sup>2</sup>   |                     |
| 4   | Tổng diện tích các phòng                                            | 6355 m <sup>2</sup>   |                     |
| 5   | Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )                               | 37                    | 1,12 m <sup>2</sup> |
| 6   | Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> ): 01                            | 125 m <sup>2</sup>    |                     |
| 7   | Diện tích phòng tin học (m <sup>2</sup> ): 01                       | 100 m <sup>2</sup>    |                     |
| 8   | Diện tích phòng truyền thống và hoạt động đội (m <sup>2</sup> ): 02 | 100 m <sup>2</sup>    |                     |

|   | Nội dung | Số lượng(m <sup>2</sup> ) |
|---|----------|---------------------------|
| 1 | Nhà bếp  | 340                       |
| 2 | Nhà ăn   | 340                       |

|   | Nội dung                        | Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
|---|---------------------------------|--------------------------------------------------|--------|-------------------------|
| 1 | Phòng nghỉ cho học sinh bán trú | 3029                                             | 2000   | 1,5m <sup>2</sup>       |

|   |             |  |  |  |
|---|-------------|--|--|--|
| 2 | Khu nội trú |  |  |  |
|---|-------------|--|--|--|

| XIV | Nhà vệ sinh             | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /học sinh |        |
|-----|-------------------------|--------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
|     |                         |                    | Chung             | Nam/Nữ | Chung                       | Nam/Nữ |
| 1   | Đạt chuẩn vệ sinh*      | x                  |                   | x      |                             | 0,2    |
| 2   | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* |                    |                   |        |                             |        |

(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

|   |                                              | Có | Không |
|---|----------------------------------------------|----|-------|
| 1 | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh             | x  |       |
| 2 | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)           | x  |       |
| 3 | Kết nối internet                             | x  |       |
| 4 | Trang thông tin điện tử (website) của trường | x  |       |
| 5 | Tường rào xây                                | x  |       |

3) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

| STT | Nội dung                                                                | Số lượng (bộ) | Ghi chú               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|
| I   | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định                | 1795          | Đồ dùng của GV+HS     |
| 1   | Khối lớp 1                                                              | 354           |                       |
| 2   | Khối lớp 2                                                              | 373           |                       |
| 3   | Khối lớp 3                                                              | 347           |                       |
| 4   | Khối lớp 4                                                              | 389           |                       |
| 5   | Khối lớp 5                                                              | 332           |                       |
| II  | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện còn thiếu theo quy định         | 252           |                       |
| 1   | Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ) | 123           | 100% kết nối internet |
| 2   | Tổng số thiết bị dùng chung khác                                        | 129           |                       |

|   |                           |    |  |
|---|---------------------------|----|--|
| 3 | Máy chiếu, bảng tương tác | 45 |  |
| 4 | Loa âm thanh              | 45 |  |
| 5 | Máy camera vật thể        | 39 |  |

**4) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt**

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1**

| STT | TÊN SÁCH                                                           | TÁC GIẢ                                          |
|-----|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt 1, tập 1 (Kết nối)                                      | Bùi Mạnh Hùng (Tổng CB kiêm CB)                  |
| 2   | Tiếng Việt 1, tập 2 (Kết nối)                                      | Bùi Mạnh Hùng (Tổng CB kiêm CB)                  |
| 3   | Toán 1, tập 1 (Kết nối)                                            | Hà Huy Khoái (Tổng CB), Lê Anh Vinh (CB)         |
| 4   | Toán 1, tập 2 (Kết nối)                                            | Hà Huy Khoái (Tổng CB), Lê Anh Vinh (CB)         |
| 5   | Đạo đức 1 (Kết nối)                                                | Nguyễn Thị Toan (Tổng CB), Trần Nam Thành (CB)   |
| 6   | Tự nhiên và Xã hội 1 (Kết nối)                                     | Vũ Văn Hùng (Tổng CB), Nguyễn Thị Thấn (CB)      |
| 7   | Âm nhạc 1 (Kết nối)                                                | Đỗ Thị Minh Chính (Tổng CB kiêm CB)              |
| 8   | Mĩ thuật 1 (Cùng học)                                              | Nguyễn Xuân Tiên (Tổng CB), Hoàng Minh Phúc (CB) |
| 9   | Hoạt động trải nghiệm 1 (Kết nối)                                  | Bùi Sỹ Tụng (Tổng CB), Nguyễn Thanh Bình (CB)    |
| 10  | Tập viết 1, tập 1 (Kết nối)                                        | Bùi Mạnh Hùng - Phạm Kim Chung                   |
| 11  | Tập viết 1, tập 2 (Kết nối)                                        | Bùi Mạnh Hùng - Phạm Kim Chung                   |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Kết nối)                                      | Nguyễn Duy Quyết (Tổng CB), Lê Anh Thơ (CB)      |
| 13  | Tài liệu giáo dục An toàn giao thông - dành cho HS Lớp 1           | Bộ GD&ĐT                                         |
| 14  | Sách Tiếng Anh 1 I-Learn Smart Start (Sách bài học + Sách bài tập) |                                                  |
| 15  | Sách Tiếng Anh 1 wonderful World (Sách bài học + Sách bài tập)     |                                                  |

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2**

| STT | TÊN SÁCH                                                 | TÁC GIẢ                                                                                                      |
|-----|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tổng Vật 2, tập 1 (Kết nối)                              | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ Biên)                           |
| 2   | Tổng Vật 2, tập 2 (Kết nối)                              | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ Biên)                           |
| 3   | Toán 2, tập 1 (Kết nối)                                  | Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)                                                         |
| 4   | Toán 2, tập 2 (Kết nối)                                  | Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)                                                         |
| 5   | Đạo đức 2 (Kết nối)                                      | Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên)                                                   |
| 6   | Tự nhiên và Xã hội 2 (Kết nối)                           | Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên)                                                      |
| 7   | Giáo dục thể chất 2 (Kết nối)                            | Nguyễn Duy Quyết - Hồ Đức Sơn (đồng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên)                                         |
| 8   | Âm nhạc 2 (Kết nối)                                      | Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)                                            |
| 9   | Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối)                        | Lưu Thu Thủy - Bùi Sỹ Tụng (đồng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh - Nguyễn Thanh Bình (đồng chủ biên)              |
| 10  | Mĩ thuật 2 (Chân trời sáng tạo 1)                        | Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường - Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên) |
| 11  | Tập viết 2, tập 1 (Kết nối)                              | Bùi Mạnh Hùng (TCB)                                                                                          |
| 12  | Tập viết 2, tập 2 (Kết nối)                              | Bùi Mạnh Hùng (TCB)                                                                                          |
| 13  | Tài liệu giáo dục An toàn giao thông - dành cho HS Lớp 2 | Bộ GD&ĐT - NXB Giáo dục Việt Nam                                                                             |

|    |                                      |                            |
|----|--------------------------------------|----------------------------|
| 14 | Sách Tiếng Anh 2 I-Learn Smart Start | NXB Đại học Sư phạm TP HCM |
| 15 | Sách Tiếng Anh 2 (wonderful World)   | NXB Đại học Sư phạm        |

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3**

| STT | TÊN SÁCH                          | TÁC GIẢ                                                                                                                                                                |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt 3, tập 1 (Kết nối)     | Bùi Mạnh Hùng (TCB),<br>Trần Thị Hiền Lương (CB)                                                                                                                       |
| 2   | Tiếng Việt 3, tập 2 (Kết nối)     | Bùi Mạnh Hùng (TCB),<br>Trần Thị Hiền Lương (CB)                                                                                                                       |
| 3   | Toán 3, tập 1 (Kết nối)           | Hà Huy Khoái (TCB), Lê Anh Vinh (CB)                                                                                                                                   |
| 4   | Toán 3, tập 2 (Kết nối)           | Hà Huy Khoái (TCB), Lê Anh Vinh (CB)                                                                                                                                   |
| 5   | Đạo Đức 3 (Kết nối)               | Nguyễn Thị Toan (TCB),<br>Trần Thành Nam (CB)                                                                                                                          |
| 6   | Tự nhiên và Xã hội 3 (Kết nối)    | Vũ Văn Hùng (TCB),<br>Nguyễn Thị Thấn (CB)                                                                                                                             |
| 7   | Tin học 3 (Kết nối)               | Nguyễn Chí Công (TCB),<br>Hoàng Thị Mai (CB)                                                                                                                           |
| 8   | Công nghệ 3 (Kết nối)             | Lê Huy Hoàng (TCB),<br>Đặng Văn Nghĩa (CB)                                                                                                                             |
| 9   | Giáo dục thể chất 3 (Kết nối)     | Nguyễn Duy Quyết (TCB), Nguyễn Hồng Dương (CB)                                                                                                                         |
| 10  | Âm nhạc 3 (Kết nối)               | Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng TCB),<br>Nguyễn Thị Thanh Bình (CB)                                                                                                |
| 11  | Mĩ thuật 3 (Chân trời) Bản 1      | Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường - Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên);<br>Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Võ Thị Nguyên - Phạm Văn Thuận. |
| 12  | Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối) | Lưu Thu Thủy (TCB),<br>Nguyễn Thụy Anh (CB)                                                                                                                            |
| 13  | Tập viết 3, tập 1 (Kết nối)       | Trần Thị Hiền Lương -<br>Phạm Kim Chung                                                                                                                                |

|    |                                                             |                                                                                                                                                            |
|----|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 | Tập viết 3, tập 2 (Kết nối)                                 | Trần Thị Hiền Lương -<br>Phạm Kim Chung                                                                                                                    |
| 15 | Tài liệu giáo dục An toàn giao thông - dành cho HS<br>Lớp 3 | Bộ GD&ĐT                                                                                                                                                   |
| 16 | Tiếng Anh 3 wonderful World - Sách học sinh                 | Nguyễn Thu Lệ Hằng<br>(Chủ biên) Nguyễn Mai<br>Phương, Phạm Thanh<br>Thùy, Trần Hoàng Anh,<br>Trần Thị Anh Thư                                             |
| 17 | Tiếng Anh 3 wonderful World - Sách bài tập                  | Hoàng Văn Vân (Tổng<br>chủ biên), Phan Hà (Chủ<br>biên), Nguyễn Thị Hải<br>Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền,<br>Đào Ngọc Lộc, Trần<br>Hương Quỳnh, Nguyễn<br>Quốc Tuấn |

#### DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4

|    | TÊN SÁCH                       | TÁC GIẢ                                                                   |
|----|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiếng Việt 4, tập 1 (Kết nối)  | Bùi Mạnh Hùng (TCB)                                                       |
| 2  | Tiếng Việt 4, tập 2 (Kết nối)  | Bùi Mạnh Hùng (TCB)                                                       |
| 3  | Toán 4, tập 1 (Kết nối)        | Hà Huy Khoái (TCB)                                                        |
| 4  | Toán 4, tập 2 (Kết nối)        | Hà Huy Khoái (TCB)                                                        |
| 5  | Đạo đức 4 (Kết nối)            | Nguyễn Thị Toan (TCB)                                                     |
| 6  | Lịch sử và Địa lí 4 (Kết nối)  | Vũ Minh Giang (TCB<br>phần Lịch sử)<br>Đào Ngọc Hùng (TCB<br>phần Địa lí) |
| 7  | Khoa học 4 (Kết nối)           | Vũ Văn Hùng (TCB kiêm<br>CB)                                              |
| 8  | Tin học 4 (Kết nối)            | Nguyễn Chí Công (TCB)                                                     |
| 9  | Vở bài tập Tin học 4 (Kết nối) | Hoàng Thị Mai (CB)                                                        |
| 10 | Công nghệ 4 (Kết nối)          | Lê Huy Hoàng (TCB)                                                        |
| 11 | Giáo dục thể chất 4 (Kết nối)  | Nguyễn Duy Quyết<br>(TCB)                                                 |

|    |                                                          |                                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | Âm nhạc 4 (Kết nối)                                      | Đỗ Thị Minh Chính (TCB)                                                          |
| 13 | Mĩ thuật 4 (Chân trời) Bản 1                             | Nguyễn Thị Nhung (TCB)                                                           |
| 14 | Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết Nối)                        | Lưu Thu Thủy (TCB)                                                               |
| 15 | Tài liệu giáo dục An toàn giao thông - dành cho HS Lớp 4 | Bộ GD&ĐT                                                                         |
| 16 | Tiếng Anh 4 Wonderful world - sách học sinh              | Nguyễn Thu Lệ Hằng (chủ biên) Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh |
| 17 | Tiếng Anh 4 Wonderful world - sách bài tập               | Nguyễn Thu Lệ Hằng (chủ biên) Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh |

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5**

| STT | TÊN SÁCH                       | TÁC GIẢ                                                             |
|-----|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt 5, tập 1 (Kết nối)  | Bùi Mạnh Hùng (TCB)                                                 |
| 2   | Tiếng Việt 5, tập 2 (Kết nối)  | Bùi Mạnh Hùng (TCB)                                                 |
| 3   | Toán 5, tập 1 (Kết nối)        | Hà Huy Khoái (TCB)                                                  |
| 4   | Toán 5, tập 2 (Kết nối)        | Hà Huy Khoái (TCB)                                                  |
| 5   | Đạo đức 5 (Kết nối)            | Nguyễn Thị Toan (TCB)                                               |
| 6   | Lịch sử và Địa lí 5 (Kết nối)  | Vũ Minh Giang (TCB phần Lịch sử)<br>Đào Ngọc Hùng (TCB phần Địa lí) |
| 7   | Khoa học 5 (Kết nối)           | Vũ Văn Hùng (TCB kiêm CB)                                           |
| 8   | Tin học 5 (Kết nối)            | Nguyễn Chí Công (TCB)                                               |
| 9   | Vở bài tập Tin học 5 (Kết nối) | Hoàng Thị Mai (CB)                                                  |
| 10  | Công nghệ 5 (Kết nối)          | Lê Huy Hoàng (TCB)                                                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 5 (Kết nối)  | Nguyễn Duy Quyết (TCB)                                              |
| 12  | Âm nhạc 5 (Kết nối)            | Đỗ Thị Minh Chính (TCB)                                             |

QUY  
TR  
TI  
TRU  
10

|    |                                                          |                                                                         |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Mĩ thuật 5 (Chân trời) Bản 1                             | Nguyễn Thị Nhung (TCB)                                                  |
| 14 | Hoạt động trải nghiệm 5 (Kết Nối)                        | Lưu Thu Thủy (TCB)                                                      |
| 15 | Lịch sử Hà Nội                                           | Đào Thị Hồng (CB),<br>Nguyễn Trí Dũng, Mai Bá Bắc, Hoàng Thị Minh Hương |
| 16 | Địa lý Hà Nội                                            | Nguyễn Đình Tâm (CB),<br>Nga Hoàng Việt                                 |
| 17 | Tài liệu giáo dục An toàn giao thông - dành cho HS Lớp 5 | Bộ GD&ĐT                                                                |
| 18 | Tiếng Anh 5 Wonderful world                              |                                                                         |

#### IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên. Cụ thể:

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           |       | x     |       |
| Tiêu chí 1.2            |           |       |       | ----- |
| Tiêu chí 1.3            |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 1.4            | x         |       |       |       |
| Tiêu chí 1.5            |           | x     |       | ----- |
| Tiêu chí 1.6            |           |       | x     |       |
| Tiêu chí 1.7            |           |       | x     | ----- |
| Tiêu chí 1.8            |           |       | x     | ----- |
| Tiêu chí 1.9            |           |       | x     | ----- |
| Tiêu chí 1.10           |           |       | x     | ----- |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |

|                     |  |  |   |       |
|---------------------|--|--|---|-------|
| Tiêu chí 2.1        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 2.2        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 2.3        |  |  | X |       |
| Tiêu chí 2.4        |  |  |   | X     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b> |  |  |   |       |
| Tiêu chí 3.1        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 3.2        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 3.3        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 3.4        |  |  | X | ----- |
| Tiêu chí 3.5        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 3.6        |  |  |   | X     |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b> |  |  |   |       |
| Tiêu chí 4.1        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 4.2        |  |  | X |       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |  |  |   |       |
| Tiêu chí 5.1        |  |  | X | ----- |
| Tiêu chí 5.2        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 5.3        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 5.4        |  |  |   | X     |
| Tiêu chí 5.5        |  |  |   | X     |

**Kết quả: Đạt Mức 1**

#### 1.2. Đánh giá theo Mức 4

| Tiêu chí<br>(Khoản, Điều) | Kết quả |           | Ghi chú |
|---------------------------|---------|-----------|---------|
|                           | Đạt     | Không đạt |         |
| Khoản 1, Điều 22          |         | X         |         |
| Khoản 2, Điều 22          |         | X         |         |
| Khoản 3, Điều 22          | X       |           |         |
| Khoản 4, Điều 22          | X       |           |         |
| Khoản 5, Điều 22          | X       |           |         |

Kết luận tự đánh giá: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và Chuẩn quốc gia Mức độ 01.

**V. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC THỰC TẾ CỦA NĂM HỌC 2024-2025:** (Có bảng đính kèm)

**VI. CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDPT CỦA NƯỚC NGOÀI HOẶC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TÍCH HỢP:**

Không có

**VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

**VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

| 1. Các chỉ số đánh giá về tài chính |                                                |                     |                                  |
|-------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|
| TT                                  | Chỉ số đánh giá                                | Năm báo cáo<br>2024 | Năm trước liền<br>kề năm báo cáo |
| 1                                   | Biên độ hoạt động trung bình 3 năm             |                     |                                  |
| 2                                   | Chỉ số tăng trưởng bền vững                    |                     |                                  |
| 2. Kết quả thu chi hoạt động 16     |                                                |                     |                                  |
|                                     | Chỉ số thống kê                                |                     |                                  |
| A                                   | TỔNG THU HOẠT ĐỘNG                             |                     |                                  |
| I                                   | Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư |                     |                                  |
| II                                  | Thu giáo dục và đào tạo                        |                     |                                  |
| 1                                   | Học phí, lệ phí từ người học                   |                     |                                  |
| 2                                   | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                      |                     |                                  |
| 3                                   | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                 |                     |                                  |
| 4                                   | Thu khác                                       | 11,805,333,651      | 10,843,670,100                   |
| III                                 | Thu khoa học và công nghệ                      |                     |                                  |
| 1                                   | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                      |                     |                                  |
| 2                                   | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                 |                     |                                  |
| 3                                   | Thu khác                                       |                     |                                  |
| IV                                  | Thu khác (thu nhập ròng)                       |                     |                                  |
| B                                   | TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG                             |                     |                                  |
| I                                   | Chi lương, thu nhập                            | 7,613,427,986       | 5,850,385,300                    |
| 1                                   | Chi lương, thu nhập của giảng viên             | 7,444,978,604       | 5,590,096,200                    |
| 2                                   | Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác            | 168,449,382         | 260,289,100                      |
| II                                  | Chi cơ sở vật chất và dịch vụ                  |                     |                                  |
| 1                                   | Chi cho đào tạo                                |                     |                                  |
| 2                                   | Chi cho nghiên cứu                             |                     |                                  |
| 3                                   | Chi cho phát triển đội ngũ                     |                     |                                  |
| 4                                   | Chi phí chung và chi khác                      |                     |                                  |
| III                                 | Chi hỗ trợ người học                           |                     |                                  |
| 1                                   | Chi học bổng và hỗ trợ học tập                 |                     |                                  |
| 2                                   | Chi hoạt động nghiên cứu                       |                     |                                  |
| 3                                   | Chi hoạt động khác                             |                     |                                  |
| IV                                  | Chi khác                                       |                     |                                  |
| C                                   | CHÊNH LỆCH THU CHI                             |                     |                                  |

**2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản thu khác người học năm học 2024-2025:**

Tổng trị giá công tác cứu trợ nhân đạo gồm cả tiền và hàng hoá:

687.230.000 đồng, đặc biệt các chương trình từ thiện sau:

+ Đã miễn giảm các khoản thu cho 33 học sinh với trị giá số tiền: 73.575.000 đồng + Trợ giúp tại trường: 107.900.000 đồng;

+ Ủng hộ các tỉnh bị thiệt hại do bão lũ Yagi gây ra về Ủy ban MTTQ Việt Nam quận Nam Từ Liêm: 249.625.000 đồng;

+ Thăm và tặng quà trung tâm bảo trợ xã hội 3 phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội ( hàng hóa: tivi, tủ lạnh, cân sức khỏe): 31.580.000 đồng;

+ Thăm và tặng quà cho bệnh nhân viện huyết học truyền máu TW nhân dịp tết Nguyên đán (50 suất x 500.000đ): 25.000.000 đồng;

+ Hỗ trợ 01 nhân viên của trường gặp khó khăn đột xuất trị giá 48.200.000 đồng....

**3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không**

## **VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

Trong năm học: 2024-2025, tập thể luôn đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cụ thể:

### **1. Thành tích Tập thể:**

- Trường được UBND quận Nam Từ Liêm khen "Đã có thành tích trong phong trào "người tốt việc thiện - Chung sức xây dựng cộng đồng nhân ái"

- Liên đội trường tiểu học Trung Văn được Ban chấp hành Trung ương đoàn và Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào công tác Đội và phong trào Thiếu nhi Thủ đô năm học 2024-2025;

- Tập thể nhận giấy khen của Hội đồng Đội Quận Nam Từ Liêm có thành tích xuất sắc trong công tác Đội giai đoạn 2020 – 2025

- Công đoàn hoàn thành xuất sắc, chứng nhận “Cơ quan văn hóa”, chứng nhận đơn vị “Giỏi việc nước – Đảm việc nhà”, đủ tiêu chí đề nghị Cờ thi đua của thành phố.

- Công nhận “Trường học An toàn và phòng chống tai nạn thương tích”.

- Tập thể nhà trường được tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, đủ tiêu chí Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen của UBND thành phố.

- Thư viện đạt mức 1

- Phổ cập giáo dục đạt mức 3

- Y tế - chữ thập đỏ đạt xuất sắc

### **2. Thành tích Giáo viên:**

+ Sáng kiến kinh nghiệm: 14 giải thành phố, 12 giải quận

+ 03 giáo viên được Thành đoàn khen có thành tích xuất sắc công tác đội và phong trào thiếu nhi năm 2024

- + Hiệu trưởng tiêu biểu nhận Bằng Khen của Thành đoàn Hà Nội vì đã có nhiều đóng góp cho công tác Đội và phong trào thiếu nhi Thủ đô năm 2024
- + 02 Giáo viên nhận giấy khen của Hội đồng Đội Quận Nam Từ Liêm có thành tích xuất sắc trong công tác Đội giai đoạn 2020 - 2025
- + 06 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp quận
- + 01 giáo viên được công nhận “Gia đình tiêu biểu”
- + 02 giáo viên được công nhận “Giỏi việc nước – Đảm việc nhà”
- + 01 cán bộ được khen có thành tích xuất sắc trong phong trào TDTT quận.
- + 10 chiến sĩ thi đua cơ sở

### 3. Thành tích Học sinh:

- *Chất lượng đại trà:* Học sinh có ý thức và tích cực xây dựng nhà trường “An toàn – Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”. Tiếp tục thực hiện phong trào “Xây dựng Nhà trường văn hoá - Nhà giáo mẫu mực - Học sinh thanh lịch” và phong trào xây dựng “Trường học thân thiện - Học sinh tích cực”. Hoạt động ngoài giờ lên lớp và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo có tính giáo dục cao của nhà trường luôn phong phú, hấp dẫn, thu hút được đông đảo học sinh tham gia.

Học sinh được phát triển một cách toàn diện từ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các kỹ năng sống. Chất lượng giáo dục toàn diện, phối kết hợp chặt chẽ giáo dục giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Học sinh được hưởng mọi nguồn lực từ gia đình, nhà trường, các đơn vị liên kết cùng tham gia công tác giáo dục học sinh như giáo dục quyền và bổn phận của trẻ em; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục nếp sống thanh lịch - văn minh, vệ sinh học đường... đặc biệt học sinh phát huy được năng lực, năng khiếu của mình. Chất lượng giáo dục được nâng lên rõ rệt trong những năm gần đây.

#### *Kết quả giáo dục theo Thông tư 22/BGD&ĐT và Thông tư 27/BGD&ĐT*

| Năm học     | Tổng số HS |    | Đánh giá các môn học và các hoạt động GD |      |   | Khen thưởng |        | HTCTTH |
|-------------|------------|----|------------------------------------------|------|---|-------------|--------|--------|
|             |            |    | T                                        | H    | C | HTXS        | TTB/TK |        |
| 2023 - 2024 | 1766       | SL | 753                                      | 1012 | 0 | 740         | 884    | 346    |
|             |            | %  | 42,7                                     | 57,3 | 0 | 41,8        | 50     | 100    |
| 2024-2025   | 1735       | SL | 755                                      | 980  | 0 | 739         | 878    | 321    |
|             |            | %  | 43,5                                     | 56,5 | 0 | 42,6        | 50,6   | 100    |

Trong 2 năm học, 100% số học sinh Hoàn thành Tốt và Hoàn thành các môn học và hoạt động giáo dục. Ngoài ra còn 06 học sinh học hòa nhập đều tiến bộ và trong đó có 01 học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học

- *Chất lượng mũi nhọn*: Nhà trường đa dạng hóa các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động tập thể, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tăng cường, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học STEM, nghiên cứu khoa học của HS. Chương trình giáo dục nhà trường phân hóa rõ đối tượng, tạo điều kiện cho học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ trong và ngoài nhà trường. Hàng năm, có hàng nghìn lượt học sinh tham gia các sân chơi. Trong hai năm, học sinh đạt kết quả rất đáng khen: 06 học sinh được UBND quận tặng danh hiệu “Học sinh giỏi tiêu biểu” trong 2 năm học và 02 HS tiêu biểu Thủ đô. Với sự chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu và sự nỗ lực, tinh thần vượt khó của cả thầy và trò nên số lượng học sinh tham gia cũng như số lượng học sinh đạt giải các môn văn hóa, thể dục thể thao,... các cấp đều tăng. Cụ thể là:

| Năm học     | Giải Quốc tế | Giải Quốc gia | Giải TP | Giải cấp quận | Tổng |
|-------------|--------------|---------------|---------|---------------|------|
| 2023 - 2024 | 08           | 266           | 268     | 518           | 1062 |
| 2024 - 2025 | 6            | 372           | 209     | 475           | 1062 |

(Giải Quốc năm học 2024-2025 gia tăng 109 giải so với năm học trước)

Ngoài ra, hàng năm, nhà trường có nhiều học sinh được tuyển thẳng hoặc thi đỗ vào các trường THCS chất lượng cao, có uy tín của thành phố Hà Nội.

- *Các hoạt động văn hóa, TDTT,...*:

➤ Năm học 2023 – 2024, trường tham gia thi đấu giải quận đạt 18 giải với các môn thi theo quy định, kết quả như sau:

| Môn         | Số giải cá nhân |          |    |           | Số giải đồng đội |          |          |    |
|-------------|-----------------|----------|----|-----------|------------------|----------|----------|----|
|             | Nhất            | Nhì      | Ba | KK        | Nhất             | Nhì      | Ba       | KK |
| Taekwondo   | 1               | 1        |    |           |                  |          |          |    |
| Bật xa      | 1               |          |    |           |                  |          |          |    |
| Cờ vua      |                 |          |    | 6         |                  |          |          |    |
| Cờ tướng    |                 |          |    | 4         |                  |          | 2        |    |
| Bóng rổ     |                 |          |    |           |                  |          |          |    |
| Cầu lông    |                 |          |    |           |                  |          | 2        |    |
| Aerobic     |                 |          |    |           |                  | 1        |          |    |
| <b>Tổng</b> | <b>2</b>        | <b>1</b> |    | <b>10</b> |                  | <b>1</b> | <b>4</b> |    |

➤ Năm học 2024 -2025, nhà trường có 85 học sinh tham gia thi đấu các nội dung TDTT, có 30 HS đạt 24 giải: đạt 06 giải Nhất; 07 giải Nhì và 09 giải Ba, 08 giải KK, cụ thể:

**Bảng thành tích thể thao cấp Quận năm học 2024 - 2025**

| Môn | Số giải cá nhân | Số giải đồng đội |
|-----|-----------------|------------------|
|-----|-----------------|------------------|

|             | SL<br>tham<br>gia | Nhất     | Nhì      | Ba       | KK       | Nhất     | Nhì      | Ba       | KK |
|-------------|-------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----|
| Taekewondo  | 1                 |          |          | 1        |          |          |          |          |    |
| Bật xa      | 1                 | 1        |          |          |          |          |          |          |    |
| Cờ vua      | 8                 | 1        |          |          | 4        | 2        | 2        |          |    |
| Cờ tướng    | 2                 |          |          |          |          |          |          | 2        |    |
| Cầu lông    | 3                 |          | 2        | 1        |          |          |          | 2        |    |
| Aerobic     | 10                |          |          |          |          | 1        |          |          |    |
| Điền kinh   | 3                 | 1        | 2        |          |          |          |          |          |    |
| Bơi         | 2                 |          | 1        | 3        |          |          |          |          |    |
| <b>Tổng</b> | <b>30</b>         | <b>3</b> | <b>5</b> | <b>5</b> | <b>4</b> | <b>3</b> | <b>2</b> | <b>4</b> |    |

(tăng 6 giải so với năm học trước)

Đến nay nhà 23 năm liên tục giữ vững danh hiệu Đơn vị tiên tiến xuất sắc về TDTT cấp thành phố.

- **Mỹ thuật:** Trang trí lại khung cảnh trường phù hợp với chủ đề “Chủ động - Linh hoạt - Sáng tạo - Hiệu quả”. Tổ chức cuộc thi sáng tác khẩu hiệu An toàn giao thông ; thi vẽ tranh cấp trường: "Trung Văn – Ngôi trường em yêu"; Hướng dẫn học sinh vẽ tranh dự thi Quốc gia: "Chiếc ô tô mơ ước", "Ý tưởng trẻ thơ". Hướng dẫn HS vẽ tranh dự thi: Ngôi trường Hạnh Phúc và cuộc thi vẽ tranh: Em yêu Hà Nội của Hội Đồng Đội Thành phố.

- Ngoài ra năm học 2024-2025 học sinh có những thành tích đặc biệt:

+ 02 học sinh đạt giải Thành phố cuộc Thi Olympic tiếng Anh 5 (02/4 học sinh trường công lập của quận)

+ 01 học sinh tiêu biểu Thủ đô

+ 03 học sinh tiêu biểu quận

+ 12 học sinh tiêu biểu của năm trong hoạt động học tập cấp trường

+ 30 em học sinh được khen thưởng đã có thành tích trong hoạt động học tập và phong trào hoạt động Đội.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên của năm học 2024-2025 (tháng 6 hàng năm theo TT09) của trường tiểu học Trung Văn.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- BCD thực hiện công khai;
- Lưu VT.



Giang Thanh Thủy